

Bản án số: 159 /2024/ HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 6 -2024

“V/v Ly hôn giữa chị C1 và anh M”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Kim C1**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị C1 xin vắng mặt, anh M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Lê Thị Kim C1 trình bày: Do được người giới thiệu và được gia đình đồng ý chị và anh M tiến đến hôn nhân năm 1999, đăng ký kết hôn năm 2003 tại xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2003 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và ly thân. Nguyên nhân năm 2000 anh M vay mượn tiền của nhiều người để đánh bạc dẫn đến nợ nần, không lo cho gia đình còn có hành vi bạo hành đối với chị. Tháng 12/2003 chị nộp

đơn xin ly hôn, anh M hứa sửa đổi nên chị rút đơn(giai đoạn thụ lý đơn). Tuy nhiên, anh M vẫn không sửa đổi nên chị không còn tình cảm gì với anh nữa.

Con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Ngọc Kim S, sinh ngày 10/9/2001 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 19/12/2005. Hiện các con đã thành niên.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị C1 yêu cầu ly hôn anh M. Con chung đã thành niên; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn M dù được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị C1 khởi kiện yêu cầu ly hôn anh M. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim C1 có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do bận đi làm xa, không thể đến Tòa án nhiều lần. Đối với anh Trần Văn M dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị C1 và anh M tiến đến hôn nhân năm 1999 trên cơ sở mai mối và sắp đặt của gia đình, có đăng ký kết hôn năm 2003. Tuy nhiên, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân từ tháng 12/2023. Nguyên nhân do anh M thường xuyên cờ bạc, không lo làm ăn, còn có hành bạo hành gia đình. Chị C1 xác định không còn tình cảm với anh M nên kiên quyết ly hôn. Đối với anh M dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng cũng không tham gia hòa giải, xét xử, không có ý kiến việc chị C1 xin ly hôn. Chứng tỏ anh không thiết tha đoàn tụ cùng chị C1. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem

xét cho chị C1 được ly hôn với anh M là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Ngọc Kim S, sinh ngày 10/9/2001 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 19/12/2005. Hiện các con đã thành niên, lao động được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Kim C1.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Kim C1 được ly hôn với anh Trần Văn M.
2. Về con chung: Đã thành niên.
3. Tài sản chung, nợ chung: Không có.
4. Về án phí: Chị Lê Thị Kim C1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015070 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

